

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:*)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: SINH HỌC Chuyên ngành: Y SINH HỌC

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI CHÍ BẢO

2. Ngày tháng năm sinh: 18/09/1983; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Bình Hoà, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 3T3-04 Sky Garden 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 3T3-04 Sky Garden 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 094 77 53 083; E-mail: bcbao@medvnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 9 năm 2005 đến tháng 2 năm 2007: Thạc sĩ, Khoa Giải phẫu bệnh, Lab thần kinh, Trường Đại Học Y Sungkyunkwan, Hàn Quốc.

Từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 2 năm 2012: Nghiên cứu sinh Khoa Sinh học phân tử, Viện nghiên cứu Y sinh học Samsung, Trường Đại Học Y Sungkyunkwan, Hàn Quốc.

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 3 năm 2020: Nghiên cứu viên, Trung tâm Y sinh học phân tử, Khoa Y, Đại Học Y Dược Thành Phố Hồ Chí Minh.*

Từ tháng 1 năm 2014 đến tháng 10 năm 2014: Sau tiến sĩ (post doc), Genomics, Trường Queen Mary University of London, London Vương Quốc Anh

Từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 6 năm 2017: Sau tiến sĩ (post doc), U nguyên bào thận kinh, Bệnh viện Saga-Ken Koseikai, Saga Nhật Bản

Từ tháng 6 năm 2017 đến nay: Phó khoa Vi sinh (kiêm nhiệm), trưởng đơn vị Sinh học phân tử, Bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố.

Từ tháng 3 năm 2020 đến nay: Phó trưởng phụ trách Khoa học công nghệ - quan hệ quốc tế, Khoa Y Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phụ trách KHCN-QHQT, Trưởng Ban điều phối module Tế bào gốc và ứng dụng.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Y, Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Nhà hành chính Y.A1, đường Hải Thượng Lãn Ông, Khu đô thị ĐHQG-HCM, P. Đông Hòa, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại cơ quan: (028) 7102 1212 – Ext 102

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa CNSH – ĐH Quốc Tế (ĐHQG TP.HCM), khoa CNSH- ĐH Cửu Long, khoa CNSH – ĐH An Giang, khoa Y – ĐHQG TP.HCM, ĐH Y Dược TPHCM, khoa Sinh học – Đại học Đà Lạt

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Khoa Y Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 09 tháng 09 năm 2005; số văn bằng: 58SH/9-2005; ngành: Sinh Học, chuyên ngành: Di truyền;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG TPHCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 08 năm 2007; số văn bằng: 13267; ngành: ThS Khoa học, chuyên ngành: Khoa học thần kinh.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường ĐH Sungkyunkwan, Hàn Quốc.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 02 năm 2012; số văn bằng: SKKU 2011(D)086; ngành: Y học, chuyên ngành: Y Sinh học.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH Sungkyunkwan, Hàn Quốc.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học
Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh
học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu dịch tễ bệnh di truyền, ngoại di truyền (epigenetic) và các dấu ấn phân tử trong
chẩn đoán, tiên lượng và điều trị mới trên ung thư nhi, U nguyên bào thần kinh.

- Nghiên cứu khoa học thần kinh bệnh lý động kinh hiếm ở trẻ em.

- Nghiên cứu các bệnh hiếm trên da, suy giảm miễn dịch, thận, thần kinh ở người.

- Phát triển phương pháp tin sinh học cho phân tích giải trình tự thế hệ mới trong ung thư và
các bệnh hiếm di truyền.

- Tìm các hợp chất tự nhiên sưu tầm từ bài thuốc y học cổ truyền có vai trò điều hoà làm
lành vết thương da, cơ chế điều trị bệnh đái tháo đường, kháng khuẩn và kháng viêm.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS (ứng viên chức danh
GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 14 đề tài trong đó 01 đề tài cấp
Sở KHCN tỉnh Sóc Trăng (đề tài đồng chủ nhiệm); 12 đề tài cấp trường ĐH Y Dược
TP.HCM (chủ nhiệm); 01 đề tài cấp ĐHQG-TP.HCM, loại C (chủ nhiệm).

- Đã công bố (số lượng) 69 bài báo KH, trong đó 23 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy
tín;

- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó 02 thuộc nhà xuất bản có uy tín (NXB Giáo dục
Việt Nam);

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc
tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- IAEA Award, Cơ Quan Năng Lượng Quốc Tế IAEA, năm 2013

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Young Scientist Award, Asia Pacific Protein Association, năm 2014 (APPA2014)
- Hỗ trợ nghiên cứu cho các nhà khoa học trẻ, Researcher Links, Hội Đồng Anh, British Council, Newton Fund Viet Nam, 2014
- Australia Award, Đại Sứ quán Úc, năm 2015
- Yamagiwa-Yoshida Memorial International Study Grants, Union International Cancer Control, năm 2017 (YY2/16/315742)
- International Investigative Dermatology, The Japanese Society for Investigative Dermatology, năm 2018 (IID2018)
- Bằng khen nghiên cứu khoa học xuất sắc trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Sóc Trăng, năm 2021 (998/QĐ-UBND)
- Bằng khen, giải nhì- Giải thưởng Sáng tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021 (4471/QĐ-UBND)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiếu trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tiêu chuẩn đạo đức :

- Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối chính trị của Đảng, pháp luật của nhà nước, thi hành nhiệm vụ theo đúng quy định.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm sự điều động, phân bố của tổ chức, có ý thức tập thể, phấn đấu vì lợi ích chung.
- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động chính trị xã hội.
- Tư cách đạo đức tốt, luôn gương mẫu trong cuộc sống và công việc, đề cao đạo đức của người Thầy.
- Gương mẫu thực hiện đúng nghĩa vụ công dân, quy định của pháp luật và điều lệ nhà trường.
- Giữ gìn phẩm chất uy tín, danh dự nhà trường, tôn trọng người học, đối xử công bằng với mọi người, bảo vệ quyền lợi và danh phẩm cho người học.
- Là một giảng viên hòa đồng với đồng nghiệp và năng nổ tham gia các hoạt động phong trào.
- Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nêu gương tốt cho người học.
- Hướng dẫn hộ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy và giáo dục.
- Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

Về nhiệm vụ nghiên cứu viên, giảng viên thỉnh giảng:

1. Công tác đào tạo :

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Giảng dạy, hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

- Tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đánh giá luận văn thạc sĩ.
- Chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của người học.
- Tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo.
- Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Tham gia đánh giá các đề tài, đề án nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị hội thảo khoa học.
- Tham gia công tác cố vấn học tập, hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập.
- Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.
- Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công tác nghiên cứu khoa học :

- Tôi đã tham gia với tư cách chủ nhiệm đề tài

1. “**Sưu tầm các bài thuốc y học cổ truyền trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để bảo tồn và sử dụng trong điều trị bệnh”** (số 16/TB-SKHCN-QLKHCN) của Sở khoa học công nghệ tỉnh Sóc Trăng vào tháng 8/2015 đến tháng 2/2018 - đã nghiệm thu xuất sắc.

2. “**Nghiên cứu nhóm Collagen đặc trưng trong vi môi trường u nguyên bào thần kinh**” (mã số C2021-44-03) đề tài loại C Đại học Quốc gia - đã nghiệm thu đạt tốt

3. “**Nghiên cứu di truyền bệnh não động kinh và chậm phát triển ở trẻ em tại thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam: nghiên cứu hợp tác, tiền cứu và trung tâm**” (mã số IZVSZ3.203431) đề tài thuộc Chương trình hợp tác song phương NAFOSTED (Việt Nam) – SNSF (Thụy Sĩ) từ 12/2021 đến năm 12/2023

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm: 3/2012 tới nay.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT | Năm học | Số lượng NCS đã hướng dẫn | | Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) | |
|----|---------|------------------------------|-----|--|--------------------------------------|---------------------------------------|---|-----|
| | | Chính | Phụ | | | | ĐH | SĐH |
| | | | | | | | | |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|------------------------|-----------|--|--|---|---|--------|--|---------------|
| 1 | 2012-2013 | | | | 3 | 181 | | 181/120/280 |
| 2 | 2013-2014 | | | 1 | | 1044,2 | | 1044,2/47/280 |
| 3 | 2014-2015 | | | | 5 | 30 | | 30/192/270 |
| 4 | 2015-2016 | | | 1 | 2 | 75 | | 75/118/270 |
| 5 | 2016-2017 | | | 1 | 3 | 75 | | 75/142/270 |
| 6 | 2017-2018 | | | 1 | 9 | 110 | | 110/286/270 |
| 7 | 2018-2019 | | | | 3 | 150 | | 150/84/270 |
| 03 năm học cuối | | | | | | | | |
| 8 | 2019-2020 | | | 1 | 1 | 340 | | 340/24/270 |
| 9 | 2020-2021 | | | 1 | 1 | 192 | | 192/89/81 |
| 10 | 2021-2022 | | | 3 | | 246 | | 246/140/81 |

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Hàn Quốc năm 2006-2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng anh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa CNSH Trường ĐHQG, khoa Y ĐHQG TPHCM.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT | Đối tượng | | Trách nhiệm hướng dẫn | | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|---|-----------|-------------------|--------------------------|-----|---|---|--|
| | | NCS | HVCH/C K2/BSNT | Chính | Phụ | | | |
| 1 | Lê Thiều Mai Thảo | | ✓ | ✓ | | Tháng 11/2013 đến tháng 9/2014 | Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG TPHCM | 26/05/2015 |
| 2 | Lê Thị Kim Hòa | | ✓ | ✓ | | Tháng 5/2016 đến tháng 9/2018 | Trường ĐH Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG TPHCM | 28/12/2018 |
| 3 | Nguyễn Văn Linh | | ✓ | ✓ | | 2014 đến 2016 | Trường ĐH Cần Thơ | 15/05/2017 |
| 4 | Phạm Thị Bảo Trân | | ✓ | ✓ | | 2015 đến 2017 | Trường ĐH Cần Thơ | 04/04/2018 |
| 5 | Hà Thị Thanh Ngà | | ✓ | | ✓ | Tháng 5/2018 đến tháng 10/2020 | Trường ĐH Đà Lạt | 01/12/2020 |
| 6 | Phạm Thị Thu Trang | | ✓ | ✓ | | Tháng 5/2018 đến tháng 3/2021 | Trường ĐH Đà Lạt | 03/06/2021 |
| 7 | Nguyễn Trường An | | ✓ | | ✓ | Tháng 10/2020 | Trường ĐH Đà Lạt | 31/12/2021 |
| 8 | Đỗ Thị Ngọc Thùy | | ✓ | ✓ | | Tháng 9/2020 đến tháng 11/2021 | Đại học Y Dược TPHCM | 26/01/2022 |
| 9 | Võ Phương Linh | | ✓ | ✓ | | Tháng 9/2020 đến tháng 11/2021 | Đại học Y Dược TPHCM | 26/01/2022 |

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| TT | Tên sách | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GD&H (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----|---|----------------------------------|---|------------------|------------------------------|--|--|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | Proteomics Và Chức Năng Của Proteomics | GT | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2014 | 3 | GS.TS. Nguyễn Thị Lang | 102 - 109; 110 - 114; 144 - 145 | Số XB: 477-2014/CXB/1- 318/GD; Nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2014 |
| 2 | Kỹ Thuật Di Truyền Trong Công Nghệ Sinh Học | GT | Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, 2015 | 3 | GS.TS. Nguyễn Thị Lang | 51 - 56; 62 - 64 | QĐXB số: 461TK/QĐ-GD; Nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2015 |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN /TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----|--|---------------|--|------------------------|---|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | |
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | |
| 1 | Khảo sát vai trò của protein p62 trong quá trình mitophagy | CN | 2013 3 8 258/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 03/2013- 03/2014 | 03/04/2014 Xếp loại: Xuất sắc |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | |
|----|---|----|--|---------------------|----------------------------------|
| 2 | Khảo sát tác động của HBX lê điều hòa tín hiệu insulin hấp thụ đường trong tế bào gan | CN | 2013 3 8 257/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 03/2013- 03/2014 | 03/04/2014 Xếp loại: Khá |
| 3 | Ảnh hưởng của glucocorticoid lên tế bào Purkinje thu nhận từ tiểu não chuột | CN | 2014 3 8 452/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 01/2014- 01/2015 | 04/05/2015 Xếp loại: Khá |
| 4 | Đột biến điểm exon 24 của gen SCN1A liên quan ca động kinh Dravet ở trẻ em | CN | 2014 3 8 453/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 02/2014- 02/2015 | 04/05/2015 Xếp loại: Khá |
| 5 | Nghiên cứu sự biểu hiện của Tropomyosin Receptor Kinase B (TrkB) trên u nguyên bào thần kinh ở người | CN | 2015 3 8 288/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2015- 05/2016 | 13/07/2016 Xếp loại: Khá |
| 6 | Đánh giá biểu hiện protein của anaplastic lymphoma kinase (ALK) trên u nguyên bào thần kinh | CN | 2015 3 8 290/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2015- 05/2016 | 13/07/2016 Xếp loại: Khá |
| 7 | Điện di protein hai chiều trong nghiên cứu sàng lọc thuốc trích từ cây dừa cạn lên tế bào u nguyên bào thần kinh | CN | 2015 3 8 289/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2015- 05/2016 | 13/07/2016 Xếp loại: Khá |
| 8 | Phân tích biểu hiện Collagen Type XI Alpha (COL11A1) trong u nguyên bào thần kinh | CN | 2016 3 8 65/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2017- 05/2018 | 04/06/2018 Xếp loại: Khá |
| 9 | Nghiên cứu biểu hiện của gen <i>AT-Rich Interaction Domain 1A (Arid 1A)</i> liên quan đến sự tiên lượng trong lâm sàng của u nguyên bào thần kinh ở trẻ em Việt Nam | CN | 2016 3 8 66/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2017- 05/2018 | 04/06/2018 Xếp loại: Khá |
| 10 | Sử dụng công cụ tin-sinh học giải trình tự thế hệ mới trong tìm và đánh giá các đột biến gen ung thư u nguyên bào thần kinh | CN | 2016 3 8 67/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2017- 05/2018 | 04/06/2018 Xếp loại: Khá |
| 11 | Sưu tầm các bài thuốc y học cổ truyền trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để bảo tồn và sử dụng trong điều trị bệnh. | CN | 21/HĐ- SKHCN- QLKHCN; | 08/2015- 12/2018 | 28/12/2018 Xếp loại: Xuất sắc |

| | | | | |
|----|--|---------------------------|---|--|
| | | Sở KHCN tỉnh Sóc Trăng | | |
| 12 | Nghiên cứu vị trí đa hình đơn nucleotide (rs221634 A>T, rs17065417 A>C) của gen LIN28B trên mẫu u nguyên bào thần kinh bằng kỹ thuật phân tích nhiệt độ nóng chảy độ phân giải cao | CN | 2018 3 8 48/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2018- 06/2019 Xếp loại: Khá |
| 13 | Nghiên cứu vị trí đa hình đơn nucleotide (rs221634 A>T) của gen LIN28B trên mẫu u nguyên bào thần kinh bằng kỹ thuật enzyme cắt giới hạn | CN | 2018 3 8 49/GCN- NCKH; ĐH Y Dược TPHCM | 05/2018- 06/2019 Xếp loại: Khá |
| 14 | Nghiên cứu nhóm Collagen đặc trưng trong vi mô trường u nguyên bào thần kinh | CN | C2021-44-03; Khoa Y – ĐHQG-HCM | 02/2021- 04/2022 Xếp loại: Tốt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thu ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|---|------------|------------------|---|---|--|------------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | | |
| 1 | Persistent expression of Nqo1 by p62-mediated Nrf2 activation facilitates p53-dependent mitotic catastrophe | 2 | Có | Biochemical and Biophysical Research Communications/ 0006-291X | ISI, Scopus (2.985, Q1) | 17 | 412, 2, 347-352 | 2011 |
| 2 | Cellular localization of the full-length isoform of the type 2 corticotropin releasing factor receptor in the | 8 | Không | Journal of neuroscience research/ 1097-4547 | ISI, Scopus (4.699, Q2) | 12 | 85, 9, 1996-2005 | 2007 |

| | | | | | | | | |
|----|--|----|-------|--|-------------------------|----|------------------|------|
| | postnatal mouse cerebellar cortex | | | | | | | |
| 3 | Corticotropin-releasing factor (CRF) and urocortin promote the survival of cultured cerebellar GABAergic neurons through the type 1 CRF receptor | 8 | Không | Journal of Korean medical science/ 1598-6357 | ISI, Scopus (1.705, Q2) | 11 | 21, 3, 518 | 2006 |
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | | |
| 1 | Long QT syndrome: Identification of a novel de novo mutation of calmodulin in a newborn girl | 6 | Không | Biomedical Research and Therapy/ 2198-4093 | SCI, Scopus (1.0, Q4) | 0 | 9, 1, 4822-4831 | 2022 |
| 2 | Identification of a novel de novo deletion mutation of desmin in a neonate with desminopathy | 5 | Không | Biomedical Research and Therapy/ 2198-4093 | SCI, Scopus (1.0, Q4) | 0 | 8, 12, 4809-4817 | 2021 |
| 3 | CD40LG mutations in Vietnamese patients with X-linked hyper-IgM syndrome; catastrophic anti-phospholipid syndrome as a new complication | 15 | Có | Molecular Genetics & Genomic Medicine/ 2324-9269 | ISI, Scopus (2.183, Q3) | 1 | 9, 8, e1732 | 2021 |
| 4 | Collagen XI Alpha 1 (COL11A1) Expression in the Tumor Microenvironment Drives Neuroblastoma Dissemination | 7 | Có | Pediatric and Developmental Pathology/ 1093-5266 | ISI, Scopus (0.885, Q2) | 1 | 25, 2, 91-98 | 2021 |
| 5 | Subcutaneous panniculitis-like T-cell lymphomas | 8 | Có | Pediatric Blood and Cancer/ | ISI, Scopus (2.355, Q1) | 0 | 68, 12, e29292 | 2021 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|--|----|-----------|--|-------------------------|---|-----------------------|
| | with homozygous inheritance of HAVCR2 mutations in Vietnamese pedigrees | | 1545-5017 | | | | |
| 6 | The MinION as a cost-effective technology for diagnostic screening of the SCN1A gene in epilepsy patients | 12 | Không | Epilepsy Research/ 0920-1211 | ISI, Scopus (2.208, Q2) | 1 | 172, 106593, 1-7 2021 |
| 7 | Bệnh cơ tim thất phái gây loạn nhịp: Phát hiện đột biến mới bằng kỹ thuật giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa | 10 | Không | Tạp chí tim mạch học việt nam/ 1859-2848 | | | 94+95, 130 2021 |
| 8 | Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mlpa xác định các kiểu đột biến lặp hoặc mát đoạn tại vị trí 1p và 16q trên u nguyên bào thận | 7 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 25, 6, 207 2021 |
| 9 | Suy giảm miễn dịch tiên phát do bất thường số lượng hoặc chức năng của bạch cầu trung tính | 13 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 25, 6, 244 2021 |
| 10 | Nhân một trường hợp viêm não tự miễn thụ thể ampa | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 25, 3, 43 2021 |
| 11 | Đặc điểm lâm sàng, sinh học và đột biến gen trên bệnh nhi suy giảm miễn dịch tiên phát do thiếu hụt kháng thể | 14 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 24, 6, 239 2020 |
| 12 | Two novel mutations in the CLCNKB gene | 4 | Không | BMJ Case Reports/ 1757-790X | SCI, Scopus (0.48, Q4) | 1 | 13, 7, e233872 2020 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|--|----|-------|--|-------------------------|----|-------------------|------|
| | leading to classic Bartter syndrome presenting as syncope and hypertension in a 13-year-old boy | | | | | | | |
| 13 | Novel compound heterozygous stop-gain mutations of LRBA in a Vietnamese patient with Common Variable Immune Deficiency | 8 | Có | Molecular Genetics & Genomic Medicine/ 2324-9269 | ISI, Scopus (1.995, Q3) | 3 | 8, 5, e1216 | 2020 |
| 14 | A novel nonsense mutation of ERCC2 in a Vietnamese family with xeroderma pigmentosum syndrome group D | 10 | Có | Human genome variation/ 2054-345X | SCI, Scopus (1.89, Q2) | 3 | 7, 2 | 2020 |
| 15 | Phát hiện đột biến mới trên gen SCN5A gây hội chứng QT kéo dài ở bệnh nhi Việt Nam | 13 | Có | Tạp chí nghiên cứu y học/ 2354-080X | | | 1, 125, 15 | 2020 |
| 16 | Giải trình tự exome ở bệnh nhi cơ tim phì đại, phát hiện đột biến mới thuộc gen GAA | 10 | Không | Tạp chí tim mạch học việt nam/ 1859-2848 | | | 91+92, 76 | 2020 |
| 17 | ARID1A-SIN3A drives retinoic acid-induced neuroblastoma differentiation by transcriptional repression of TERT | 7 | Có | Molecular Carcinogenesis/ 0899-1987 | ISI, Scopus (3.825, Q2) | 9 | 58, 11, 1998-2007 | 2019 |
| 18 | A simple strategy to enhance the in vivo wound-healing activity of curcumin in the | 7 | Không | Materials Science and Engineering: C/ 0928-4931 | ISI, Scopus (5.88, Q1) | 23 | 98, 56-64 | 2019 |

| | | | | | | | | |
|----|---|----|-------|--|-------------------------|----|----------------|------|
| | form of self-assembled nanoparticle complex of curcumin and oligochitosan | | | | | | | |
| 19 | In vivo comparison of wound healing and scar treatment effect between curcumin–oligochitosan nanoparticle complex and oligochitosan-coated curcumin-loaded-liposome | 11 | Không | Journal of Microencapsulation 0265-2048 | ISI, Scopus (2.287, Q2) | 16 | 36, 2, 156-168 | 2019 |
| 20 | Kết quả thử nghiệm trên dòng tế bào thận của người hek-293 của 20 bài thuốc dân gian thu thập tại tỉnh sóc trăng | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 23, 4, 68 | 2019 |
| 21 | Độc tính cấp và tác động giảm đau ngoại biên, kháng viêm cấp của bài thuốc thu thập tại tỉnh sóc trăng | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 23, 4, 75 | 2019 |
| 22 | Đánh giá khả năng gây chết tế bào theo chương trình của bài thuốc cây lược vàng và bạch hoa xà thiệp thảo thu thập tại tỉnh sóc trăng trên dòng tế bào ung thư | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 23, 4, 82 | 2019 |
| 23 | Hiệu quả trên biểu hiện il-1 β và il-10 của năm bài thuốc dân gian thu thập tại tỉnh sóc trăng | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 23, 4, 166 | 2019 |
| 24 | Đánh giá khả năng ức chế chu kỳ tế bào của bài | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ | | | 23, 4, 174 | 2019 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|--|---|-----------|--|--|------------|------|
| | thuốc lá dâu, dùra cạn thu thập tại tỉnh sóc trăng trên dòng té bào u nguyên bào thàn kinh skn-dz | | 1859-1779 | | | | |
| 25 | Độc tính cấp và tác động lên trọng lượng, đường huyết của chuột khỏe mạnh của cao nước lá mật gấu thu thập tại tỉnh sóc trăng | 5 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh ISSN: 1859-1779 | | 23, 4, 179 | 2019 |
| 26 | Tác động lên trọng lượng và đường huyết của chuột bị đái tháo đường của cao nước lá mật gấu thu thập tại tỉnh sóc trăng | 5 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 23, 4, 185 | 2019 |
| 27 | Đánh giá khả năng gây chết té bào theo chương trình của bài thuốc lá đu đủ và bạch hoa xà thiêt thảo thu thập tại tỉnh sóc trăng trên dòng té bào ung thư | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 23, 4, 192 | 2019 |
| 28 | Ứng dụng giải trình tự gen toàn bộ vùng mã hoá (exome) phát hiện biến thể mới trên gen acyl-CoA dehydrogenase chuỗi rất dài (ACADVL) ở bệnh nhân bệnh cơ tim | 8 | Không | Tạp chí tim mạch học việt nam/ 1859-2848 | | 86, 55 | 2019 |
| 29 | Bệnh cơ tim thất phải gây loạn nhịp: Phát hiện đột biến mới trên gen desmocollin-2 | 8 | Không | Tạp chí tim mạch học việt nam/ 1859-2848 | | 88, 52 | 2019 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|--|----|-------|---|-------------------------|---|-------------------------------|------|
| | ở bệnh nhân Việt Nam | | | | | | | |
| 30 | Phát hiện biến thể mới trên gen myopalladin ở bệnh nhân cơ tim bằng kỹ thuật giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa (exome) | 9 | Có | Tạp chí Công nghệ Sinh học/ 1811-4989 | | | 17, 3, 411 | 2019 |
| 31 | Evaluation of the morphology and biocompatibility of natural silk fibers/agar blend scaffolds for tissue regeneration | 10 | Không | International Journal of Polymer Science/ 1687-9422 | ISI, Scopus (0.325, Q2) | 5 | 2018, 5049728, 1-2018 7 | |
| 32 | Sử dụng công cụ tin-sinh học giải trình tự thế hệ mới trong tìm các đột biến trên gene ABCA12 của ca bệnh Harlequin ichthyosis | 3 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 22, 2, 10 | 2018 |
| 33 | Nghiên cứu biểu hiện của gen ARID1B trong u nguyên bào thần kinh ở trẻ em việt nam | 7 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 22, 2, 15 | 2018 |
| 34 | Nghiên cứu biểu hiện của gen COL11A1 trong u nguyên bào thần kinh ở trẻ em việt nam | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 22, 2, 21 | 2018 |
| 35 | Sử dụng công cụ tin-sinh học giải trình tự thế hệ mới trong tìm các đột biến của ca bệnh Seckel | 6 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 22, 2, 27 | 2018 |
| 36 | Chức năng của các protein liên kết tế bào ở bệnh | 6 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 22, 4, 74 | 2018 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|---|---|-------|---|--------------------------|----------------------------|------|
| | cơ tim thất phái gây loạn nhịp | | | | | | |
| 37 | Bước đầu đánh giá hiệu quả giảm đường huyết sau ăn trên người bệnh đái tháo đường тип 2 của bài thuốc nam sưu tầm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 22, 3, 417 | 2018 |
| 38 | Bước đầu đánh giá hiệu quả điều trị thoái hóa khớp gối của bài thuốc nam sưu tầm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 22, 3, 424 | 2018 |
| 39 | Radioprotective activity of curcumin-encapsulated liposomes against genotoxicity caused by Gamma Cobalt-60 irradiation in human blood cells | 6 | Không | International Journal of Radiation Biology/ 0955-3002 | ISI, Scopus (2.368, Q2) | 15 93, 11, 1267-1273 | 2017 |
| 40 | Anti-inflammatory and wound healing activities of calophyllolide isolated from Calophyllum inophyllum Linn | 9 | Có | PLoS ONE/ 1932-6203 | ISI, Scopus (2.74, Q1) | 61 12, 10, 1-16 | 2017 |
| 41 | SCN1A gene mutation and adaptive functioning in 18 Vietnamese children with Dravet syndrome | 8 | Không | Journal of clinical neurology/ 1738-6586 | ISI, Scopus, (1.672, Q2) | 8 13, 1, 62-70 | 2017 |
| 42 | Độc tính tế bào của thuỷ tinh hoạt tính sinh học 45S5 tổng hợp ở Việt Nam trên tế bào người | 3 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 21, 2, 81 | 2017 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|---|---|-------|--|-------------------------|----|--------------------|------|
| 43 | Xây dựng quy trình khảo sát sự di căn trên dòng tê bào ung thư biểu mô phổi a549 | 5 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 21, 1, 96 | 2017 |
| 44 | Sử dụng công cụ tin sinh học giải trình tự thế hệ mới trong tìm và đánh giá các đột biến của hệ gen ung thư u nguyên bào thần kinh | 5 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 21, 1, 101 | 2017 |
| 45 | Độc tính tế bào của thủy tinh hoạt tính sinh học 45s5 được tổng hợp ở việt nam và biphasic calcium phosphate trên tế bào người | 5 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 21, 4, 21 | 2017 |
| 46 | Fabrication of electrospun polycaprolactone coated with chitosan-silver nanoparticles membranes for wound dressing applications | 7 | Không | Journal of Materials Science: Materials in Medicine/ 0957-4530 | ISI, Scopus (2.467, Q2) | 37 | 27, 156, 1-12 | 2016 |
| 47 | Effects of the physical state of nanocarriers on their penetration into the root and upward transportation to the stem of soybean plants using confocal laser scanning microscopy | 4 | Không | Crop Protection/ 0261-2194 | ISI, Scopus (2.381, Q1) | 23 | 87, 25-30 | 2016 |
| 48 | Fabrication of hyaluronan-poly (vinylphosphonic acid)-chitosan hydrogel for | 8 | Không | International Journal of Polymer Science/ 1687-9422 | ISI, Scopus (0.325, Q2) | 28 | 2016, 6723716,1-10 | 2016 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|--|---|-------|--|--|------------|------|
| | wound healing application | | | | | | |
| 49 | Nghiên cứu biểu hiện của ALK trong u nguyên bào thần kinh ở người | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 110 | 2016 |
| 50 | Nghiên cứu biểu hiện của tropomyosin receptor kinase A (TrkA) trong u nguyên bào thần kinh ở người | 3 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 117 | 2016 |
| 51 | Nghiên cứu biểu hiện của tropomyosin receptor kinase B (TrkB) trong u nguyên bào thần kinh ở người | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 123 | 2016 |
| 52 | Điện di protein hai chiều trong nghiên cứu sàng lọc thuốc trích từ cây dừa cạn lèn té bào u nguyên bào thần kinh | 6 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 129 | 2016 |
| 53 | Làm giàu trình tự toàn bộ exon của gen arid1a trong u nguyên bào thần kinh | 5 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 136 | 2016 |
| 54 | Làm giàu trình tự toàn bộ exon của gen arid1b trong u nguyên bào thần kinh | 5 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 144 | 2016 |
| 55 | Nghiên cứu tính tương hợp sinh học của keo ha/pvpa trên mô hình chuột | 6 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 53 | 2016 |
| 56 | Khảo sát vai trò của dầu mù u trong quá trình hồi phục vết thương | 6 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 67 | 2016 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|----|---|----|-------|--|--|------------|------|
| | trên mô hình chuột | | | | | | |
| 57 | Khảo sát dịch trích từ hoa dừa cạn (<i>catharanthus roseus</i>) ức chế virus dengue trong kỳ nguyễn phân tử bào gan | 5 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 1, 86 | 2016 |
| 58 | Nghiên cứu biểu hiện của gen arid1a trong u nguyễn bào thần kinh ở trẻ em việt nam | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 5, 162 | 2016 |
| 59 | Nghiên cứu phát hiện đột biến mất đoạn 1p và 11q trong u nguyễn bào thần kinh ở trẻ em việt nam | 6 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 20, 5, 186 | 2016 |
| 60 | Khảo sát ảnh hưởng của Glucocorticoid trên sự biệt hoá tế bào thần kinh vùng Hippocampus | 4 | Không | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 19, 1, 293 | 2015 |
| 61 | Real-time PCR xác định chiều dài trung bình telomere trên mẫu u não | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 19, 1, 298 | 2015 |
| 62 | Ảnh hưởng của Glucocorticoid lên tế bào sơ cấp purkinje thu nhận từ tiểu não | 1 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 19, 1, 310 | 2015 |
| 63 | Xây dựng quy trình phân loại nhóm nguy cơ của u nguyễn bào thần kinh khuyếch đại mycn | 12 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 19, 5, 1 | 2015 |
| 64 | Khảo sát tác động của HBx lên điều hoà tín hiệu insulin hấp thụ | 3 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | 18, 1, 285 | 2014 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | | |
|----|---|----|-------|--|----------------------------|-----|--|------|
| | đường trong tế bào gan | | | 1859-1779 | | | | |
| 65 | Khảo sát tác động gen HBx của virus viêm gan B trong sự hình thành đa bội | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 18, 1, 291 | 2014 |
| 66 | Khảo sát tác động của gen HBx trong sự hình thành autophagy ở dòng tế bào gan Chang | 4 | Có | Tạp chí y học thành phố hồ chí minh/ 1859-1779 | | | 18, 1, 296 | 2014 |
| 67 | Khảo sát vai trò của protein P62 trong quá trình hình thành MITOPHAGY | 3 | Có | Tạp chí Khoa học Công nghệ Sinh học toàn quốc năm 2013 | | | Báo cáo khoa học proceedings Quyển 1 Trang 658 | 2013 |
| 68 | Khảo sát đặc tính của ung thư vú kháng thuốc bằng công cụ Proteomic | 3 | Có | Tạp chí Khoa học Công nghệ Sinh học toàn quốc năm 2013 | | | Báo cáo khoa học proceedings Quyển 1 Trang 788 | 2013 |
| 69 | Assurance of mitochondrial integrity and mammalian longevity by the p62-Keap1-Nrf2-Nqo1 cascade | 16 | Không | EMBO Reports/ 1469-221X | ISI, Scopus (7.497, Q1) | 139 | 13, 2, 150-156 | 2012 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 7 bài (Số TT: [3], [4], [5], [13], [14], [17], [40]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|---|---|----------------|--------------------|
| I | Trước khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

| | | | | | | | |
|-----|-------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| II | Sau khi được công nhận PGS/TS | | | | | | |
| 1 | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|--|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|-----|--|---------------------------|--|----------------------------------|------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/dề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: *Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Chí Bảo